

KĨ NĂNG TƯ VẤN TÂM LÝ CƠ BẢN CHO GIÁO VIÊN CHỦ NHIỆM Ở TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ

HOÀNG GIA TRANG

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
Email: hoanggiatrang@gmail.com

Tóm tắt: Ở Việt Nam, công tác tư vấn tâm lý cho học sinh phổ thông được ngành Giáo dục và Đào tạo quan tâm từ hơn 10 năm qua. Công tác tư vấn tâm lý giúp học sinh giải quyết khó khăn, vướng mắc, giải tỏa căng thẳng tâm lý, cảm xúc. Giáo viên nói chung, giáo viên chủ nhiệm nói riêng có vai trò quan trọng trong việc thực hiện thành công nhiệm vụ tư vấn tâm lý. Từ đó, giáo viên chủ nhiệm cần có một số kĩ năng tư vấn tâm lý cơ bản sau: Kĩ năng giao tiếp; Kĩ năng xử lý thông tin; Kĩ năng thấu hiểu học sinh; Kĩ năng phối hợp các lực lượng trong và ngoài nhà trường; Kĩ năng hỗ trợ tìm kiếm giải pháp; Kĩ năng đánh giá. Giáo viên thực hiện tốt công tác tư vấn tâm lý cho học sinh sẽ góp phần hoàn thiện nhân cách của các em và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện cho các nhà trường.

Từ khóa: Tư vấn tâm lý; kĩ năng; giáo viên chủ nhiệm; trung học cơ sở.

(Nhận bài ngày 19/01/2017; Nhận kết quả phản biện và chỉnh sửa ngày 03/03/2017; Duyệt đăng ngày 25/03/2017).

1. Đặt vấn đề

Vấn đề tư vấn tâm lý (TVTL) cho học sinh (HS) phổ thông được nhiều nước trên thế giới quan tâm và đến nay đã trở nên chuyên nghiệp hóa. Giáo viên (GV) làm công tác TVTL cho HS là một bộ phận quan trọng của nhà trường, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục (GD) toàn diện.

Ở nước ta, công tác TVTL cho HS phổ thông đã được ngành GD và Đào tạo (GD&ĐT) quan tâm từ hơn 10 năm qua thể hiện qua các văn bản, chỉ thị, công văn của Bộ GD&ĐT. Đến nay, công tác TVTL cho HS đã được thực hiện ở nhiều trường học với các hình thức khác nhau giúp HS giải quyết khó khăn, vướng mắc, giải tỏa căng thẳng tâm lý, cảm xúc. Trước yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD&ĐT như Nghị quyết số 29-NQ/TW, việc tăng cường công tác TVTL góp phần tích cực vào việc thực hiện thành công nhiệm vụ của ngành GD. GV nói chung, GV chủ nhiệm (GVCN) nói riêng không chỉ truyền đạt tri thức khoa học cho HS mà còn giúp các em rèn luyện kĩ năng (KN), phát triển năng lực đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới. Bên cạnh đó, GV có nhiệm vụ giúp HS hình thành những phẩm chất nhân cách tốt đẹp. HS cần có sức khỏe thể chất lành mạnh và tinh thần thoải mái. Vì vậy, GVCN đóng vai trò TVTL, hỗ trợ HS giải quyết những vấn đề nảy sinh trong học tập và cuộc sống.

2. Nhiệm vụ tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm ở trường trung học

GVCN trước hết là GV được đào tạo (ĐT) ở một lĩnh vực chuyên môn cụ thể để dạy học cho HS. Tuy nhiên, ngoài nhiệm vụ truyền đạt tri thức như các GV bộ môn khác, họ còn được giao “quản xuyên” mọi hoạt động (HĐ) của một tập thể lớp, quản lí (QL) toàn diện lớp học. Tác giả Mạc Văn Trang (2016) đã nêu: GVCN là người thay mặt nhà trường QL, GD HS; tổ chức, hướng dẫn các HĐ của lớp

do mình phụ trách; phối hợp với các GV bộ môn của lớp và các lực lượng GD khác trong việc GD HS. Như vậy, GVCN đóng nhiều vai trò khác nhau như GD, dạy học, QL và tư vấn trong nhà trường.

Nhiệm vụ TVTL cho HS của GV ở cấp Trung học cơ sở và Trung học phổ thông đã được nêu trong Thông thư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV quy định Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của GV, trong đó có nhiệm vụ là: Tham gia TVTL, hướng nghiệp cho HS và cha mẹ HS. HĐ TVTL của GVCN thuộc lĩnh vực tư vấn học đường (TVHĐ) được nêu trong công văn số 9971/BGDĐT-HSSV của Bộ GD&ĐT gồm 6 nội dung cơ bản sau: Hướng nghiệp, chọn nghề và thông tin tuyển sinh; Tình yêu, giới tính và quan hệ với bạn khác giới; Quan hệ, giao tiếp, ứng xử với gia đình, GV và bạn bè; Phương pháp học tập; Tham gia các HĐ xã hội; Thảm mĩ,... Ngoài ra, công tác tư vấn của GV được đề cập đến trong một số văn bản khác của ngành GD như:

Chiến lược Phát triển GD giai đoạn 2011-2020 chỉ ra rằng, cần phải phát triển đội ngũ nhà giáo: “Đảm bảo từng bước có đủ GV thực hiện GD toàn diện... GV TVHĐ và hướng nghiệp...”.

GV làm công tác tư vấn cho HS là GV trung học được ĐT hoặc bồi dưỡng về nghiệp vụ tư vấn; có nhiệm vụ tư vấn cho phụ huynh và HS vượt qua những khó khăn gặp phải trong học tập, sinh hoạt (Điều lệ Trường trung học cơ sở, trung học phổ thông, 2011).

Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT ngày 05/05/2014 về Tăng cường và nâng cao hiệu quả một số HĐ GD cho HS, sinh viên trong các cơ sở GD, ĐT nhấn mạnh các cơ sở GD&ĐT cần “tăng cường vai trò GVCN, GV tổng phụ trách đội, cố vấn học tập và các tổ chức đoàn thể trong công tác GD đạo đức, lối sống, TVTL, hướng nghiệp cho HS”.

Ngày 23/3/2015, Bộ GD&ĐT ban hành công văn



1346/BGDĐT-CTHSSV về *Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trường học*, trong đó nhấn mạnh cần phải “*Thực hiện có hiệu quả công tác TVTL cho HS ... Tăng cường trách nhiệm của Lãnh đạo nhà trường, Tổng phụ trách Đội, GVCN, GV bộ môn... đối với việc QL, GD HS*”.

Như vậy, chúng ta thấy nhiệm vụ TVTL của GV nói chung và GVCN nói riêng đã được khẳng định qua các văn bản của ngành GD. Trong nhà trường, ngoài HĐ dạy học, có thể nảy sinh một số vấn đề liên quan đến học tập, mối quan hệ HS - HS, HS - GV, HS - cha mẹ... cần sự hỗ trợ giải quyết của GVCN. Vì thế, GVCN cần được nâng cao KN để trợ giúp thành công những vấn đề nảy sinh của HS.

3. Kỹ năng tư vấn tâm lý cơ bản cho giáo viên chủ nhiệm ở trường Trung học cơ sở

Có nhiều quan điểm khác nhau về việc hình thành KN TVTL cho GVCN. Trong bài viết này, chúng tôi cho rằng những KN TVTL cơ bản của GVCN tương ứng với các giai đoạn tư vấn cho HS. Hiện nay, cách chia tư vấn thành 5 giai đoạn là phổ biến gồm: *Thiết lập mối quan hệ; Xác định vấn đề; Tìm kiếm và lựa chọn giải pháp; Hỗ trợ thực hiện giải pháp; Kết thúc*. Từ đó, chúng tôi thấy GVCN cần có một số KN TVTL cơ bản sau:

3.1. Kỹ năng giao tiếp

KN này cho phép GVCN tạo được sự tin tưởng, an tâm ở HS khi tìm đến sự giúp đỡ. Điều này thể hiện ngay từ việc tiếp xúc ban đầu của GVCN với thái độ thân thiện, cởi mở, không phán xét. Đồng thời, GV biết khơi gợi để HS bày tỏ trung thực khó khăn của bản thân. KN giao tiếp gồm các KN thành phần sau: Gần gũi, quan tâm HS; Lắng nghe HS; Kiểm soát cảm xúc; Tạo sự tin tưởng cho HS; Khuyến khích, động viên HS bày tỏ ý kiến.

GVCN bắt đầu từ những vấn đề chung như tình hình trường, lớp để làm giảm tâm lý e ngại ở HS. Sau đó, khi cảm thấy HS yên tâm, GVCN sẽ động viên HS nói rõ khó khăn đang gặp phải. GVCN cần nói rõ những thông tin mà HS chia sẻ sẽ được tôn trọng, giữ bí mật. GVCN nên lắng nghe nhiều hơn để hiểu đúng vấn đề HS gặp phải.

GV nên đặt các câu hỏi mở để HS chia sẻ thông tin liên quan đến vấn đề đang gặp phải. Các câu hỏi bắt đầu bằng các từ như: Ai, điều gì, khi nào? Qua đó, HS bày tỏ những khó khăn và những mối quan hệ khác nhau cũng như diễn tiến sự việc để GV hiểu hơn vấn đề các em gặp phải. GVCN cần chú ý lắng nghe và không trách mắng, tạo không khí thoải mái để HS không e ngại chia sẻ những khó khăn của mình.

3.2. Kỹ năng xử lý thông tin

KN này cho phép GV tập hợp, xâu chuỗi các thông tin liên quan đến khó khăn của HS, các yếu tố khác nhau để xác định đúng vấn đề. KN xử lý thông tin bao gồm KN thành phần sau: Tập hợp thông tin liên quan đến khó khăn của HS; Phân tích các thông tin về khó khăn của HS; Kết nối thông tin của HS và thông tin liên quan khác; Tìm ra bản chất vấn đề khó khăn của HS.

Khi HS tìm đến GVCN để nhờ tư vấn thì thường kể lại sự việc theo trí nhớ hoặc theo cảm xúc. Vì thế, thông

tin có thể không theo logic, rời rạc. GVCN cần trò chuyện với HS về các khía cạnh khác nhau của sự việc đang diễn ra cũng như hoàn cảnh gia đình, mối quan hệ bạn bè, kết quả học tập, nhận thức, thái độ của HS về vấn đề. Mặt khác, có trường hợp HS đến nhờ tư vấn nhưng chưa chia sẻ hết thông tin với GVCN. Lúc này, GVCN phải biết phân tích, tổng hợp các thông tin khác nhau liên quan đến khó khăn của HS để xác định bản chất của vấn đề.

3.3. Kỹ năng thấu hiểu học sinh

KN này cho phép GVCN gọi tên cảm xúc mà HS đang trải nghiệm, hiểu được tính cách, các điểm mạnh và hạn chế của các em; tôn trọng các suy nghĩ, quan điểm của HS và thể hiện sự cảm thông với vấn đề khó khăn của HS. KN thấu hiểu HS gồm KN thành phần như: Nói đúng cảm xúc, suy nghĩ của HS; Thấu hiểu được tính cách của HS; Chỉ ra được điểm mạnh và hạn chế của HS; Chấp nhận giá trị, suy nghĩ của HS; Thể hiện sự cảm thông với HS.

GVCN biểu hiện KN thấu hiểu HS thông qua các phản hồi khi tiếp xúc với các em. Ngoài ra, GVCN cần hiểu được tính cách của HS để tìm hiểu vấn đề rõ hơn. Đối với những HS ít nói, nhút nhát hoặc đang trong tâm trạng hoảng sợ, lo lắng, GV cần động viên, làm cho HS cảm thấy an toàn và được tôn trọng các quan điểm, suy nghĩ của mình để sẵn sàng chia sẻ.

3.4. Kỹ năng phối hợp các lực lượng

Để hỗ trợ HS có hiệu quả, GVCN cần sự hỗ trợ của các lực lượng khác trong và ngoài nhà trường. KN phối hợp các lực lượng của GVCN gồm các KN thành phần thể hiện: Tạo được sự ủng hộ của ban giám hiệu nhà trường; Hợp tác tốt với các GV bộ môn, cán bộ Đoàn, Đội; Thu hút được sự tham gia của cha mẹ và HS; Thiết lập và duy trì mối quan hệ với các chuyên gia tư vấn.

Để giúp HS giải quyết khó khăn tâm lý, GVCN có thể cần phối hợp với GV bộ môn, cha mẹ HS hoặc những HS khác để tìm hiểu rõ vấn đề. Trong một số trường hợp, HS và GV bộ môn có thể cung cấp các thông tin hữu ích giúp cho GVCN giải quyết những khó khăn của HS. KN này giúp GVCN có thể hỗ trợ, giải quyết vấn đề của HS tốt hơn.

3.5. Kỹ năng hỗ trợ tìm kiếm giải pháp

GVCN giúp HS hiểu hoàn cảnh, điều kiện cá nhân, nguồn lực hỗ trợ, cân nhắc và lựa chọn giải pháp cho vấn đề. KN hỗ trợ tìm kiếm giải pháp của GVCN biểu hiện qua các KN thành phần sau: Hỗ trợ HS xác định đúng vấn đề khó khăn; Khuyến khích HS đưa ra và lựa chọn giải pháp; Gợi ý một số giải pháp để HS lựa chọn; Làm cho HS tin tưởng vào các giải pháp đã chọn; Tạo động lực cho HS sẵn sàng thực hiện giải pháp.

GVCN khuyến khích HS đưa ra cách giải quyết cho vấn đề đang gặp phải. Đồng thời, GVCN cùng HS phân tích khả năng thực hiện của giải pháp đó, cân nhắc mặt thuận lợi, khó khăn và hiệu quả của giải pháp đưa ra.

Trường hợp HS lo lắng, căng thẳng không thể đưa ra giải pháp nào, GVCN có thể gợi ý một số giải pháp khác nhau. Bằng cách đặt câu hỏi định hướng, GVCN tạo điều kiện để HS cân nhắc và suy nghĩ về các giải pháp

khả thi cho vấn đề của bản thân. Khi tự mình lựa chọn giải pháp phù hợp, HS sẽ nỗ lực thực hiện để đạt kết quả tốt nhất cho khó khăn gặp phải.

3.6. Kỹ năng đánh giá

KN này cho phép GVCN nắm rõ việc thực hiện các giải pháp đã lựa chọn của HS, mục tiêu đặt ra đạt được đến đâu. KN đánh giá bao gồm các KN thành phần sau: Chỉ rõ được cách thức HS giải quyết vấn đề; Lượng giá mục tiêu mà HS đạt được; Đánh giá được sự tiến bộ, thay đổi của HS; Chỉ ra được những vấn đề cần tiếp tục giải quyết.

Trước khi HS triển khai thực hiện các giải pháp, GVCN phải kiểm soát rằng thực sự HS đã có các mục tiêu cụ thể, rõ ràng chưa. Bởi lẽ, trong thực tế có HS sau khi được tư vấn nhưng không biết làm gì để thay đổi hành vi. Do đó, các mục tiêu xác định càng cụ thể càng tốt.

Sau khi HS triển khai kế hoạch thực hiện các giải pháp, GVCN cần có sự đánh giá kết quả dựa trên các mục tiêu đã đặt ra. GVCN ghi nhận những tiến bộ của HS dù rất nhỏ để động viên, khuyến khích các em. Nếu HS chưa hoàn thành nhiệm vụ thì GV cần tìm ra nguyên nhân và đưa ra hướng khắc phục cho những vấn đề còn tồn tại. Khi GV nhận thấy HS đã kiểm soát được bản thân thì HĐ tư vấn kết thúc.

4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng tư vấn tâm lý của giáo viên chủ nhiệm

4.1. Sự quan tâm của cán bộ quản lý giáo dục

Công tác TVTL cho HS còn là lĩnh vực mới ở nước ta. Hiện nay, công tác TVTL cho HS hầu như rất ít được thực hiện ở các trường trung học cơ sở dù nhu cầu cần tư vấn của HS rất đa dạng.

Tại TP. Hồ Chí Minh, Sở GD&ĐT đã ban hành Quy định tạm thời về công tác TVTL trong trường học. Nhờ đó, nhiều trường phổ thông đã có cán bộ chuyên trách và không chuyên trách để hỗ trợ TVTL cho HS. Điều đó cho thấy nếu được các cấp QL quan tâm đúng mức thì nhà trường sẽ bố trí GV và bồi dưỡng năng lực cho họ để thực hiện nhiệm vụ TVTL cho HS khi cần thiết.

Khi cán bộ QL quan tâm đến công tác TVTL cho HS thì sẽ chỉ đạo đưa nội dung này vào kế hoạch GD. Đồng thời, họ sẽ kiểm tra, đánh giá và hỗ trợ cho GVCN khi thực hiện TVTL cho HS. Từ đó, GVCN nâng cao KN của bản thân.

4.2. Công tác bồi dưỡng về kỹ năng tư vấn tâm lý cho giáo viên chủ nhiệm

Hiện nay, công tác bồi dưỡng GV nói chung và GVCN nói riêng về TVTL đã được thực hiện theo quy mô khác nhau. Tuy nhiên, chưa có sự thống nhất về nội dung và thời lượng chương trình bồi dưỡng. HĐ này thường do các Sở GD&ĐT thực hiện theo kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên. Ngoài ra, một số dự án cũng tham gia vào công tác này. Do vậy, GVCN sẽ băn khoăn khi tham gia các lớp tập huấn, bồi dưỡng khác nhau mà nội dung không thống nhất. Điều này ảnh hưởng đến sự hình thành KN TVTL của GV. Thêm vào đó, công tác bồi dưỡng chưa thường xuyên nên cũng ảnh hưởng đến việc nâng

cao KN của GVCN.

4.3. Sự nhiệt tình, hứng thú của giáo viên chủ nhiệm

Sự nhiệt tình, hứng thú của GVCN được coi là yếu tố giữ vai trò quan trọng đối với thành công của HĐ tư vấn. Khi làm việc với sự nhiệt tình, hứng thú, con người sẽ dành sự tập trung cao độ cho công việc để mang lại hiệu quả cao nhất. Sự hứng thú đối với công việc giúp cá nhân nỗ lực vượt mọi khó khăn, tìm được cách thức giải quyết vấn đề nhanh và hiệu quả nhất. Thông qua đó, GVCN phát triển được KN cơ bản trong lĩnh vực TVTL.

4.4. Giá trị và thái độ của giáo viên chủ nhiệm

Trong công tác tư vấn, hỗ trợ tâm lý cho HS, nếu GVCN có định kiến hoặc thái độ phán xét đối với vấn đề HS gặp phải thì họ khó có thể hỗ trợ các em tìm ra giải pháp cho vấn đề đó. Giá trị và thái độ sẽ định hướng cách ứng xử của người GVCN khi trao đổi, gỡ rối khó khăn của HS. Trong TVTL, GVCN cần có thái độ tôn trọng những suy nghĩ, quan điểm của HS; không phán xét, bình luận, định kiến vấn đề gặp phải của HS.

5. Kết luận

GVCN có vai trò quan trọng công tác TVTL cho HS. Tuy nhiên, công tác này chưa được thực hiện tốt trong thời gian qua vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Do vậy, chúng ta bồi dưỡng một số KN TVTL cơ bản cho GVCN để họ có thể đảm đương nhiệm vụ được giao. Làm tốt công tác TVTL cho HS sẽ góp phần hoàn thiện nhân cách HS, nâng cao chất lượng GD toàn diện cho các nhà trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2005), *Triển khai công tác tư vấn cho học sinh, sinh viên*, Ban hành kèm theo công văn số 9971/BGDĐT-HSSV ngày 28 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- [2]. *Chiến lược Phát triển giáo dục giai đoạn 2011-2020*.
- [3]. Chỉ thị số 1537/CT-BGDĐT ngày 05/05/2014 về *Tăng cường và nâng cao hiệu quả một số hoạt động giáo dục cho học sinh, sinh viên trong các cơ sở giáo dục, đào tạo*.
- [4]. Bộ Giáo dục và Đào tạo, Công văn 1346/BGDĐT-CTHSSV về *Tăng cường các biện pháp đảm bảo an ninh trật tự trường học*.
- [5]. Cục Nhà giáo và Cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, (2013), *Tăng cường năng lực làm công tác giáo viên chủ nhiệm lớp ở trường trung học cơ sở*, Tài liệu bồi dưỡng phát triển năng lực nghề nghiệp giáo viên, NXB Giáo dục và NXB Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [6]. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ tám khóa XI về *Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [7]. Thông tư liên tịch số 22/2015/TTLT-BGDĐT-BNV của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ quy định Mã số,



tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của giáo viên trung học cơ sở công lập.

[8]. Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 3 năm 2011 ban hành *Điều lệ trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường trung học phổ thông có nhiều cấp học*.

[9]. Mạc Văn Trang, *Năng lực của giáo viên chủ nhiệm cấp trung học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục*, Tạp chí Khoa học Giáo dục, số 126, tháng 3 năm 2016.

[10]. Hoàng Gia Trang, (2014), *Nhu cầu tư vấn hướng nghiệp của học sinh trung học cơ sở*, Đề tài V2013-05, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.

BASIC PSYCHOLOGICAL CONSULTATION SKILLS FOR HOMEROOM TEACHERS AT LOWER SECONDARY SCHOOLS

Hoang Gia Trang

The Vietnam Institute of Educational Sciences

Email: hoanggiatrang@gmail.com

Abstract: *In Vietnam, psychological consultation for students has been paid attention to by the Education and Training sector for more than 10 years. Psychological consultation helped students solve difficulties, obstacles, relieve psychological and emotional stress. Teachers in general and homeroom teachers in particular played an important role in successful implementation of psychological consultation. Then, the homeroom teachers need some basic psychological consultation skills such as: communication skill; Information processing skill; Skill to deeply understand students; Skill to coordinate inside and outside school forces; Skill to support solution searching; Assessment skill. Teachers who well implemented psychological consultation for students would contribute to improving students' personality and education quality at schools.*

Keywords: *Psychological consultation; skills; homeroom teachers; lower secondary schools.*